TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-4-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mầm

2. Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 348/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Th**, sinh năm 1979 (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Th, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Th, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, chị và anh L không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung, đến năm 2020 chị và anh L chính thức sống ly thân cho đến nay. Nay, chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân giữa chị và anh L được nữa nên chị yêu cầu Tòa án

giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Văn L có 02 (Hai) người con chung tên: Nguyễn Thị L1, sinh ngày 16/7/2000 và Nguyễn Thị L2, sinh ngày 04/12/2005; hiện các con đang sống với chị. Sau khi ly hôn, con có nguyện vọng theo cha hoặc mẹ thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc; nếu con theo chị, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Văn L không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Văn L không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là anh Nguyễn Văn L được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Th. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ hai lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có nguyên đơn là chị Trần Thị Th có mặt theo triệu tập của Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Văn L vắng mặt không lý do nên không tiến hành hòa giải được, cũng như nghe ý kiến của anh L về yêu cầu ly hôn của chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn L là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Xin ly hôn", bị đơn có nơi cư trú tại ấp Th, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng nguyên đơn là chị Trần Thị Th vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Văn L vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa

án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Theo chị Trần Thị Th trình bày thì trong thời gian chung sống chị và anh L không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung, đến năm 2020 chị và anh L chính thức sống ly thân cho đến nay, nay chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân giữa chị và anh L được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L; đối với anh Nguyễn Văn L trong quá trình tố tụng anh L không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Th, như vậy anh L đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với chị Th. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh L đã không còn, chị Th cương quyết ly hôn, anh L không có thiện chí hàn gắn, cả hai đã thống nhất sống ly thân, bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều này cho thấy hôn nhân giữa chị Th và anh L đã không còn hạnh phúc và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; mặt khác, chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn nên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của chị Th và anh L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn L có 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Thị L1, sinh ngày 16/7/2000 và Nguyễn Thị L2, sinh ngày 04/12/2005; hiện các con đang sống với chị Th; sau khi ly hôn, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con. Xét thấy, cháu L1 đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; còn đối với cháu L2, cháu L2 có nguyện vọng được ở với mẹ (Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của con ngày 16/02/2022), theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện của cháu L2, giao cháu L2 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Th không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Th khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ thu, nợ trả: Chị Trần Thị Th khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị L2, sinh ngày 04/12/2005 cho chị Trần Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trần Thị Th.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về nợ thu, nợ trả: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trần Thị Th phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007643 ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền